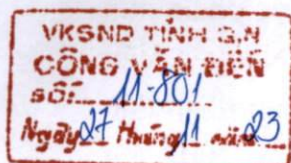


Số: 102/TB-VC1-V2

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2023



THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM

Về giải quyết vụ án “*Tranh chấp về di sản thừa kế, hủy GCNQSD đất*”

Thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án dân sự “*Tranh chấp về di sản thừa kế, hủy GCNQSD đất*” giữa nguyên đơn bà Đào Thị Nguyên với bị đơn ông Nguyễn Thành Nguyên do Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đã giải quyết vụ án không đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cần thông báo để rút kinh nghiệm chung nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát trong lĩnh vực dân sự.

1. Nội dung vụ án

Cụ Nguyễn Văn Xảo có vợ là cụ Nguyễn Thị Báu (vợ cả) và sinh được 01 người con chung là ông Nguyễn Văn Quý, quá trình chung sống cụ Xảo phải đi tù do tham gia cách mạng thời Pháp, khi cụ Xảo về thì cụ Báu đã đưa ông Quý đi làm công nhân bên nội thành Hải Phòng. Sau đó cụ Xảo kết hôn với cụ Cự được một thời gian cụ Xảo tìm cụ Báu và ông Quý về sống cùng. Cụ Xảo chung sống cùng cụ Nguyễn Thị Cự và sinh được 05 người con chung tên là: Bà Nguyễn Thị Cừ, bà Nguyễn Thị Sử, bà Nguyễn Thị Xét, bà Nguyễn Thị Tim và bà Nguyễn Thị Đào. Ông Quý và các con của cụ Cự đều sống cùng cụ Báu và cụ Cự, đều có quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc lẫn nhau. Cụ Nguyễn Văn Xảo, cụ Nguyễn Thị Báu và cụ Nguyễn Thị Cự không có con nuôi, không có bố mẹ nuôi, cụ Báu và cụ Cự không có con riêng. Quá trình chung sống 03 cụ có tạo lập nên khối tài sản chung là diện tích đất 279 m² tại thửa đất số 943, tờ bản đồ số 02 tại thôn Đồng Mát, xã Thủy Đường, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình sử dụng đến năm 1972 cụ Nguyễn Thị Báu chết, năm 1993 cụ Nguyễn Thị Cự chết, năm 1996 cụ Nguyễn Văn Xảo chết, cả ba cụ chết đều không để lại di chúc. Sau khi cụ Nguyễn Văn Xảo, cụ Nguyễn Thị Báu và cụ Nguyễn Thị Cự chết, diện tích đất 279 m² tại thửa đất số 943, tờ bản đồ số 02 tại thôn Đồng Mát, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng do vợ chồng ông Nguyễn Văn Quý (anh trai trưởng) cùng các con và bà Nguyễn Thị Xét quản lý và sử dụng. Đến năm 1986 bà Đào Thị Tường (là vợ ông Quý chết), đến năm 2011 ông Nguyễn Văn Quý chết, nhà và diện tích đất trên do vợ chồng anh Nguyễn Thành Nguyên (là con ông

Quý) và bà Nguyễn Thị Xét quản lý và sử dụng. Về vị trí của thửa đất từ trước đến nay không có thay đổi và ngăn cách gì. Trong quá trình vợ chồng ông Quý cùng các con sử dụng đất thì các chị em bà không tổ chức họp gia đình lần nào bàn về việc phân chia di sản do bố mẹ để lại. Đến đầu năm 2020, do các con ông Quý là anh Nguyễn Thành Nguyên có vợ là Nguyễn Thị Khánh Dung, chị Nguyễn Thị Huyền Trang và chị Nguyễn Thị Mỹ Hằng phát sinh mâu thuẫn về việc phân chia tài sản đối với diện tích đất 279 m² và cho rằng đó là tài sản của ông Nguyễn Văn Quý. Khi sự việc xảy ra bà Đồi mới được biết ông Quý đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007 đối với tài sản bố mẹ để lại là diện tích đất 279 m² tại thửa đất số 943, tờ bản đồ số 02 tại thôn Đồng Mát, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hiện nay, tài sản của cụ Nguyễn Văn Xảo và cụ Nguyễn Thị Cự chết để lại đang do vợ chồng anh Nguyễn Thành Nguyên và bà Nguyễn Thị Xét quản lý, sử dụng.

Nay bà Nguyễn Thị Đồi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 279 m² tại thửa đất số 943, tờ bản đồ số 02 tại thôn Đồng Mát, xã Thủy Đường, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là di sản của cụ Nguyễn Văn Xảo và cụ Nguyễn Thị Cự chết đi để lại theo quy định của pháp luật và Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 289866 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2007. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đồi thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn Xảo, cụ Nguyễn Thị Báu và cụ Nguyễn Thị Cự chết đi để lại, đối với cụ Nguyễn Thị Báu chết từ năm 1972 thời gian rất lâu rồi vì vậy đề nghị Hội đồng xem xét về thời hiệu và yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 289866 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2007. Nếu được nhận phần di sản thừa kế bà Đồi giao cho anh Nguyễn hưởng để anh Nguyễn làm nơi thờ cúng.

2. Kết quả giải quyết của Tòa án

Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Xảo, cụ Nguyễn Thị Cự, cụ Nguyễn Thị Báu để lại là thửa đất số 942, 943, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 284 m tại thôn Đồng Mát, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng như sau:

Giao toàn bộ diện tích đất 284 m, tại thửa đất số 942, 943, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Thôn Đồng Mát, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, có các mốc giới 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-1 cùng toàn bộ công trình trên đất cho anh Nguyễn Thành Nguyên, chị Nguyễn Thị Khánh Dung quản lý, sử dụng (Chi tiết các mốc giới thửa đất có sơ đồ kèm theo bản án này).

Anh Nguyễn Thành Nguyên có trách nhiệm thanh toán trị giá phần thừa kế cho chị Nguyễn Thị Huyền Trang, chị Nguyễn Thị Mỹ Hằng mỗi người số tiền là 70.800.000 đồng, thanh toán cho người thừa kế của chị Nguyễn Thị Thủy (tên gọi khác Nguyễn Hải Hậu) là anh Phạm Đình Tuấn, cháu Phạm Đình Tuấn Châu, cháu Phạm Đình Kiên (đại diện hợp pháp là anh Phạm Đình Tuấn), mỗi người số tiền là 23.600.000 đồng.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Báu vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 289866 ngày 31 tháng 12 năm 2007 đối với thửa đất số 943, tờ bản đồ 02, diện tích 279 m², do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp cho chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Văn Quý.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/8/2023, chị Nguyễn Thị Mỹ Hằng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn kháng cáo, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

3. Những vi phạm cần rút kinh nghiệm

3.1 Về thời hiệu thừa kế:

Thời điểm mở thừa kế của cụ Cự là năm 1993, của cụ Xảo là năm 1996, căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 và khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015, xác định thời hiệu thừa kế của cụ Xảo và cụ Cự vẫn còn.

Toà án cấp sơ thẩm nhận được đơn khởi kiện của Nguyên đơn vào ngày 02/6/2021, cụ Nguyễn Thị Báu chết năm 1972. Tại phiên toà sơ thẩm, các đương sự đều đề nghị xem xét áp dụng thời hiệu thừa kế đối với phần di sản của cụ Báu.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990, Án lệ số 26/AL/2018, thời điểm mở thừa kế của cụ Báu là năm 1972, nếu trên đất không có nhà thì thời hiệu thừa kế đối với di sản của cụ Báu là 30 năm kể từ ngày 10/9/1990. Trường hợp không có nhà trên đất, thì thời hiệu thừa kế của cụ Báu đã hết.

Tuy nhiên, theo lời khai của chị Nguyễn Thị Huyền Trang (con gái ông Quý) thì diện tích đất hiện đang tranh chấp thừa kế có nguồn gốc là của ông bà nội chị để lại cho bố chị, trên đất còn 01 căn nhà lá. Chị Trang sinh năm 1978 là thế hệ cháu của cụ Xảo nên lời khai chưa đảm bảo chính xác vì thời gian đã quá lâu. Do đó, cần xác minh làm rõ khi cụ Báu, cụ Cự, cụ Xảo mất đi ngoài quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp thì trên đất có tài sản gì không? Trước khi anh Nguyên và ông Quý xây nhà trên đất như hiện nay thì trên đất có những tài sản gì gắn liền, để xem xét có được áp dụng thời hiệu theo Nghị quyết 58 Số: 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20 tháng 8 năm 1998 về giao dịch dân sự về nhà



ở được xác lập trước ngày 01 tháng 7 năm 1991. Những thiếu sót này của Toà án sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

3.2 Về thu thập, xác minh tài liệu chứng cứ:

Theo lời khai của các đương sự là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì diện tích 279m² thuộc thửa đất số 943 đã được cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Văn Quý vào năm 2007 có nguồn gốc là của cụ Xảo, cụ Cư. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh tại UBND xã Thủy Đường thì tài liệu duy nhất thể hiện nguồn gốc đất là Sổ đăng ký ruộng đất năm 1985 của UBND xã Thủy Đường, thể hiện: Tại trang 30, dòng thứ 14 (từ trên xuống) ghi thửa số 942 tờ bản đồ số 02 chủ sử dụng là Nguyễn Văn Xảo (Đồng Mát) diện tích 246 m; tại dòng 15 (từ trên xuống) ghi thửa số 943 tờ bản đồ số 02 chủ sử dụng là Nguyễn Thị Quý (thực tế là Nguyễn Văn Quý - được UBND xã xác nhận) xứ Đồng Mát diện tích 109 m². Năm 2007, ông Quý được cấp GCNQSD đất đối với thửa số 943 diện tích 276 m² (là bao gồm cả thửa số 942 và 943). Như vậy, mặc dù các đương sự khai nguồn gốc đất là của vợ chồng cụ xảo nhưng theo tài liệu là Sổ đăng ký ruộng đất năm 1985 lại thể hiện nguồn gốc thửa đất hiện đang tranh chấp được gộp lại từ 02 thửa: Thửa số 942 đứng tên cụ Xảo và thửa 943 đứng tên ông Quý. Thời gian các cụ còn sống ông Quý thường xuyên đi công tác vắng nhà, nhưng ít nhất từ năm 1985 ông Quý đã được các cụ kê khai cho đứng tên độc lập tại thửa đất số 943. Trong sổ đăng ký ruộng đất còn lưu giữ thửa đất đứng tên cụ Xảo là thửa 942, rập ranh với thửa 943 chủ sử dụng là ông Quý. Như vậy, ý chí của các cụ từ thời điểm đó đã cho ông Quý đứng tên độc lập 01 thửa đất số 943. Do đó ít nhất ông Quý có tài sản là thửa đất 943, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp là của các cụ Báu, cụ Cư, cụ Xảo là không có cơ sở.

Theo UBND xã Thủy Đường thì thực tế quá trình sử dụng đất con cháu cụ Xảo không phân tách ra từng thửa, không có tường bao ngăn cách mà sử dụng chung nên không xác định được số đo, kích thước của từng thửa đất. Tổng diện tích 02 thửa trong sổ mục kê là 373 m² nhưng diện tích đo thực tế là 284 m², chênh lệch 89 m² (là do làm đường thôn lấy vào). Theo sổ mục kê tổng diện tích 02 thửa là 373 m² (trong đó thửa số 942 là 264 m², thửa 943 là 109 m²). Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì tổng diện tích thực tế 02 thửa là 284 m² nên Tòa án cấp sơ thẩm tính chia theo tỷ lệ thửa đất và xác định thửa số 942 chiếm 201 m² và thửa số 943 chiếm 83 m².

Như vậy, đối với phần chênh lệch 89 m² giữa diện tích hai thửa đất ghi trong sổ mục kê và diện tích thực tế do làm đường thôn lấy vào. Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác minh tại UBND xã và xác định UBND xã không còn lưu giữ tài liệu về làm đường. Tuy nhiên, để xác định diện tích bị lấy làm đường của hai thửa và diện tích còn lại cũng có thể căn cứ vào những tài liệu chứng cứ khác như: xác

minh thời điểm làm đường, đối chiếu hồ sơ địa chính đề nghị cơ quan địa chính lồng ghép bản đồ, tọa độ (có 2 thửa) của giai đoạn chưa làm đường và giai đoạn đã làm đường để xác định diện tích còn lại của hai thửa... Tòa án sơ thẩm cũng chưa xác minh, lấy ý kiến những hộ dân ảnh hưởng bởi việc mở rộng đường, trưởng thôn giai đoạn làm đường về các thông tin liên quan đến sự kiện làm đường, để có thông tin xác định cụ thể thửa đất nào có phần đất bị lấy làm đường? diện tích đất còn lại sau khi làm đường là bao nhiêu? Những thiếu sót này gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng trong việc xác định cụ thể diện tích đất của từng thửa và xác định di sản thừa kế. Khi chưa thu thập, áp dụng mọi biện pháp cần thiết để xác minh mà đã chia phần diện tích 89 m² theo tỷ lệ thửa đất là chưa đủ căn cứ vững chắc.

3.1. Về chia di sản thừa kế:

Đối với yêu cầu về phần di sản là phần thừa kế ông Quý được hưởng từ các cụ khi còn sống, trong vụ án, anh Nguyễn đề nghị: “đối với phần thừa kế của ông Quý nếu còn sống sẽ được hưởng, tôi là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Quý, đề nghị Tòa án chia đều cho các con ông Nguyễn Văn Quý”; “đối với phần được hưởng thừa kế của bố anh là ông Nguyễn Văn Quý, anh là người thừa kế thế vị, đề nghị Hội đồng xét xử chia đều cho 04 anh em”. Như vậy, anh Nguyễn chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần được hưởng thừa kế của ông Quý. Còn phần di sản của ông Quý, anh Nguyễn chỉ yêu cầu chia phần di sản mà ông Quý được nhận từ các cụ, còn phần di sản là tài sản của ông Quý lúc còn sống, anh Nguyễn không yêu cầu chia.

Đối với yêu cầu về phần di sản là tài sản của ông Quý, tại cấp sơ thẩm, chị Hằng, chị Trang có yêu cầu: “Đề nghị Tòa án xác định diện tích 279 m² đất là của ông Quý và chia làm 4 phần cho 4 người con của ông Quý. Về phần di sản của ông Quý các chị sẽ đề nghị giải quyết trong vụ án khác”. Như vậy, lúc thì chị Hằng đề nghị chia di sản ông Quý, lúc lại đề nghị không chia, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ yêu cầu của đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị Hằng đề nghị chia di sản của ông Quý là thửa đất số 943, chị Hằng giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu như của cấp sơ thẩm. Nhưng do yêu cầu của chị Hằng tại cấp sơ thẩm chưa được làm rõ nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn sơ thẩm, chị Hằng trình bày, chị có công sức trong việc xây nhà trên đất, và yêu cầu Tòa án tính công sức cho chị. Anh Nguyễn cũng thừa nhận thời gian xây nhà anh Nguyễn đi làm ăn ở xa, chỉ gửi tiền về để xây. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để xem xét yêu cầu này của chị Hằng, như vậy là bỏ sót yêu cầu của đương sự.

Với những vi phạm nêu trên, trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã quyết định hủy toàn bộ

Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo để Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trong khu vực nghiên cứu, rút kinh nghiệm chung nhằm giảm thiểu số lượng các vụ án bị hủy, sửa do những vi phạm tương tự, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Quang Dũng-PVTVKSTC (B/c);
- Vụ 9 VKSTC (b/c);
- Đ/c Viện trưởng VC1 (b/c);
- VC2, VC3;
- VKSND 28 tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc;
- Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội;
- Các Viện nghiệp vụ, Văn phòng VC1;
- Lưu VT; V2 (38b)

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Phạm Văn Hòa